

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2022

*“Về việc ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thống.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Duy Hồ;

2. Bà Ngô Thị Diễm Thúy.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Lài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:* Ông Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 12/5/1986 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: khóm C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hữu T, sinh năm 1985 (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

Địa chỉ cư trú: khóm C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

**NHẬN THẤY:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Trần Hữu T kết hôn vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, hôn nhân do hai bên tìm hiểu.

Cuộc sống vợ chồng những năm đầu rất hạnh phúc và đã có 02 con chung. Nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng thường hay cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, mỗi lần anh T nhậu về thì thường hay gây sự kiểm cớ chửi chị và người thân của chị, mặc dù chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Năm 2019, chị có làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T, nhưng gia đình động viên vợ chồng đoàn tụ, nên chị rút đơn, anh T cũng có viết tờ cam kết là sẽ sửa đổi tính tình của mình để vợ chồng sống hòa thuận. Nhưng đến nay anh T vẫn không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Nhã Y, sinh ngày 28/6/2010 và Trần Hữu P, sinh ngày 03/12/2016 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Bản thân chị hiện có nghề nghiệp ổn định, đang đi làm thuê mỗi tháng thu nhập 6.000.000đồng.

Về T sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Hữu T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ kiện tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Trần Hữu T hiện cư trú tại khóm C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, bị đơn Trần Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: chị Trần Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu T. Hội đồng xét xử xét thấy, theo đơn khởi kiện và các T liệu chứng cứ kèm theo, chị Trần Thị Mỹ L và anh Trần Hữu T cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên nhậu về kiếm có chửi chị và người thân của chị, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Đến cuối năm 2019 chị L từng nộp đơn yêu cầu ly hôn, được sự đồng ý của gia đình hai bên và anh T hứa sẽ sửa chữa tính của mình nên chị rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng sau đó, vợ chồng lại bắt đầu P sinh mâu thuẫn, lần khởi kiện này mặc dù anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến và gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của chị L, điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Xét thấy, tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị L và anh T chung sống có 02 con chung tên Trần Thị Nhã Y, sinh ngày 28/6/2010 và Trần Hữu P, sinh ngày 03/12/2016 hiện đang sống chung với chị L từ khi chị L và anh T ly thân cho đến nay. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét thấy, cháu Y và P đang sống với chị L, hai cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, bên cạnh đó cháu Y có nguyện vọng sống cùng chị L. Đồng thời về điều kiện kinh tế thì chị L có việc làm và thu nhập ổn định, được xác nhận của nơi chị đang làm thuê về mức lương hàng tháng, điều này chứng minh chị L đã có đủ điều kiện để chăm lo tốt khi nuôi dưỡng con chung. Về phía anh T không đến và gửi văn bản trình bày ý kiến về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con nhưng chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về T sản chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị L trình bày, chị và anh T chung sống không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên P biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và P biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L đối với anh Trần Hữu T.

- Về con chung: chị Trần Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Trần Thị Nhã Y, sinh ngày 28/6/2010 và Trần Hữu P, sinh ngày 03/12/2016, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

- Về T sản chung và nợ chung: không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

- Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0006606 ngày 15/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, chị L đã nộp xong.

- Anh Trần Hữu T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L. Cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Hữu T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ L. Chị Trần Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Nhã Y, sinh ngày 28/6/2010 và Trần Hữu P, sinh ngày 03/12/2016. Anh Trần Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu, chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0006606 ngày 15/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, chị L đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- UBND phường B;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Thống**